

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 14 tháng 01 năm 2025  
“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

**1/ Ông Nguyễn Văn Lam.**

**2/ Ông Phan Ngọc Đài.**

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.*

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: **Ông Phan Xuân Tạo - Kiểm sát viên.**

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 25/12/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Đàm Thị T, sinh 1970. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ.

**Bị đơn:** Ông Lê Đức T1, sinh năm 1968. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đàm Thị T trình bày:*

Tháng 11 năm 1987 tôi và ông Lê Đức T1 tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định.

Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời gian dài, sau khi có với nhau 04 con chung thì đến cuối năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do ông T1 thường xuyên uống rượu và bạo hành vợ con, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo để đoàn tụ nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với ông T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau, chúng tôi có 04 con chung là: Lê Đức T2, sinh năm 1988; Lê Đức T3, sinh năm 1992; Lê Tuấn A, sinh năm 1994 và Lê Thị T4, sinh năm 1996.

Hiện các con đã trên 18 tuổi nên tôi không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

*Bị đơn ông Lê Đức T1 tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông T1 nhưng ông T1 đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng nhận định về các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa và đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đàm Thị T, không công nhận bà Đàm Thị T và ông Lê Đức T1 là vợ chồng; về con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét qua đơn khởi kiện của bà Đàm Thị T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân gia đình về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, bị đơn ông Lê Đức T1 có nơi cư trú tại xã T, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị T và ông Lê Đức T1 tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1987 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Nay bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà Thu và ông T1 là vợ chồng. HĐXX xét thấy tình cảm giữa bà T và ông T1 thực sự không còn, hôn nhân giữa bà T và ông T1 không hợp pháp, nên áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận bà Đàm Thị T và ông Lê Đức T1 là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 có 04 con chung là Lê Đức T2, sinh năm 1988; Lê Đức T3, sinh năm 1992; Lê Tuấn A, sinh năm 1994 và Lê Thị T4, sinh năm 1996. Hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi nên bà Thu cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đàm Thị T và ông Lê Đức T1 là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Đàm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (do bà Trần Thị T đã nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0011867 ngày 30 tháng 10 năm 2024. Bà Đàm Thị T đã nộp đủ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã Tam Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thu Trang**